

CUỘC ĐỜI VÀ HOẠT ĐỘNG CẦN VƯƠNG CỦA MAI LƯỢNG Ở QUẢNG BÌNH

ThS. NGUYỄN QUANG TRUNG TIẾN

Trường Đại học Khoa học Huế

Ngày 5 tháng 7 năm 1885 (23 tháng 5 Ất Dậu), kinh đô Huế thất thủ, vua Hàm Nghi xuất bôn rời khỏi kinh thành ra sơn phòng Tân Sở ở Quảng Trị xuống dụ Cần Vương, kêu gọi sĩ phu và nhân dân trong cả nước đứng lên đánh đuổi thực dân Pháp nhằm giải phóng dân tộc, giành lại nền độc lập của quốc gia. Tiếp đó, vua Hàm Nghi và tùy tùng đã trực tiếp dẫn thân vào cuộc đấu tranh gian khổ của dân tộc, đứng chân lâu dài ở vùng núi tỉnh Quảng Bình để điều hành công cuộc kháng Pháp khắp cả nước.



Di ảnh Lãnh binh Mai Lương tại nhà bia tưởng niệm (Ảnh 2004)

Trong bối cảnh nước mất nhà tan, dân tình ly tán, chủ quyền quốc gia rơi vào tay giặc, lời kêu gọi chống Pháp của vua Hàm Nghi và hành động dẫn thân vào cuộc kháng chiến của người đã được tuyệt đại bộ phận nhân dân Việt Nam nhanh chóng hưởng ứng đứng lên. Hầu hết các địa phương ở miền Trung, miền Bắc, và một số nơi tại miền Nam,¹ mà sôi nổi nhất là ngay tại Quảng Bình, đã đồng loạt nổ ra những cuộc khởi nghĩa chống Pháp, tạo thành một phong trào đấu tranh vũ trang rầm rộ khắp cả nước, kéo dài đến cuối thế kỷ XIX, với tên gọi là phong trào Cần Vương.

1. Vài nét về thân thế và sự nghiệp của Mai Lương

Tính trên phạm vi toàn quốc, Quảng Bình không chỉ là một trong những địa phương sớm đứng lên theo lời kêu gọi giúp vua cứu nước, mà còn là địa bàn trực tiếp đùm bọc, nuôi dưỡng, che chở, chiến đấu bảo vệ triều đình kháng chiến Hàm Nghi trong suốt 3 năm (1885-1888). Do vậy, tại đây đã xuất hiện nhiều cuộc khởi nghĩa lớn, mà tên tuổi của những thủ lĩnh đứng đầu từng được

¹. Trước đây, những người biên soạn sử sách thường cho rằng phong trào Cần Vương chỉ diễn ra ở Trung Kỳ và Bắc Kỳ, còn Nam Kỳ không chịu ảnh hưởng. Nhưng những nghiên cứu thực tế gần đây tại miền Nam đã chứng minh một số nơi như An Giang, Định Tường, Gia Định... cũng có khởi nghĩa Cần Vương (Xem thêm: Nguyễn Phúc Nghiệp, Những ghi chép về lịch sử văn hóa Tiền Giang, Nxb Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh, 1998).

sử sách lưu danh như Nguyễn Phạm Tuân, Lê Trực, Lê Mô Khởi, Trần Văn Định, Đoàn Đức Mậu...

Bên cạnh đó, khá nhiều thủ lĩnh nghĩa quân khác, nhiều anh hùng vô danh khác của quê hương Quảng Bình cũng có những đóng góp công sức, máu xương của mình để phụng sự triều đình kháng chiến Hàm Nghi nói riêng, phục vụ cho sự nghiệp đấu tranh giành độc lập của dân tộc Việt Nam nói chung, nhưng chỉ được người đời biết đến hết sức sơ lược. Một trong những trường hợp ấy là người anh hùng Mai Lượng và những nghĩa quân tham gia trong cuộc khởi nghĩa do ông cầm đầu.



Hai câu đối ghi công của Lãnh binh Mai Lượng tại nhà bia tưởng niệm (Ảnh 2004)
(Hứa quốc lập kỳ công, công cao vô lượng
Cần Vương tiêu chính khí, khí tráng hà Mai)

Mai Lượng sinh vào năm Mậu Tuất (1838), quê quán ở làng Thọ Linh (còn có tên là xóm Dài, nằm ven sông Nan), tổng Thị, phủ Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình². Họ Mai là một trong các họ khai canh - khai khẩn ở làng Thọ Linh.

Nguyên họ Mai làng Thọ Linh, xã Quảng Sơn, huyện Quảng Trạch có nguồn gốc từ làng Trung, xã Thanh Tài, huyện Thanh Oai, phủ Ứng Thiên, lộ Sơn Nam Thượng thời Lê, nay thuộc xã Kiến Hưng, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Năm 1425, sau khi đánh thắng quân Minh ở Nghệ An và Thanh Hóa, nghĩa quân Lam Sơn đã nhanh chóng vượt đèo Ngang, mở rộng vùng giải phóng cho tới tận Tân Bình, Thuận Hóa. Trận thắng giặc Minh ở sông Bồ Chính (sông Gianh) do Tư đồ Trần Nguyên Hãn chỉ huy đã đặt nền móng cho việc lập nên nhiều làng mạc ở đó, trong đó có làng Kim Linh.

Thời vua Lê Thánh Tông, niên hiệu Hồng Đức (1470-1497), một vị tướng tên là Mai Phúc Khánh do lập công lớn trong việc tham gia mở rộng lãnh thổ Đại Việt đến giáp Phú Yên, nên được vua phong thưởng tước "Tham nghị Trác Lộc Nam". Khi rút quân về Bắc, đến địa phận Bắc sông Gianh, tướng Mai Phúc Khánh gặp nhiều đoàn người từ xứ Bắc di dân vào Nam, nên đã dừng quân đi ngược sông Gianh, đến chân núi Ngùi thì cho quân sĩ trú lại, khai khẩn đất hoang lập làng, cũng đặt tên cũ là làng Kim Linh. Thời vương triều

². Nay thuộc xã Quảng Sơn, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Nguyễn, vì tên làng có chữ Kim, phạm vào chữ húy của vị thủy tổ Nguyễn Kim, nên đổi tên lại là Thọ Linh cho đến ngày nay.

Họ Mai làng Thọ Linh ở Quảng Bình, mở đầu là thủy tổ Mai Phúc Khánh, đã sinh cơ lập nghiệp và phát triển đến nay được 18 đời, với 8 chi. Nhiều người trong họ có công lao lớn trong sự nghiệp đấu tranh bảo vệ và xây dựng đất nước như cụ thủy tổ Mai Phúc Khánh, Lãnh binh Mai Lượng, nguyên Trung tướng Mai Xuân Vĩnh - Phó Đô đốc Hải quân Việt Nam...³



Nhà bia tưởng niệm Lãnh binh Mai Lượng (Ảnh 2004)
(Thuộc thôn Thọ Linh, xã Quảng Sơn, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình)

Mai Lượng thuộc đời thứ 10 của họ Mai làng Thọ Linh, xuất thân từ một gia đình nhà nho nghèo có truyền thống hiếu học, nhưng phải sớm chịu cảnh mồ côi cha mẹ từ nhỏ, sống dựa vào sự đùm bọc nuôi nấng của người anh ruột, gia cảnh bần hàn. Tuy vậy, từ thuở thiếu thời Mai Lượng đã tỏ rõ là người có ý chí và nghị lực bền bỉ, tư chất thông minh và rất trọng lễ nghĩa, nên mọi người trong làng đều yêu mến ông.

Năm Mai Lượng 20 tuổi, nền độc lập của dân tộc bắt đầu bị thử thách bởi sự nổ súng tấn công cảng Đà Nẵng của liên quân Pháp - Tây Ban Nha. Trưởng thành trong hoàn cảnh đất nước bị thực dân xâm lược, một phần đất đai của tổ quốc ở miền Nam đã rơi vào tay giặc, nên Mai Lượng ý thức rõ trách nhiệm người trai thời chiến là phải góp phần vào việc chống giặc. Vì vậy bên cạnh việc học tập nho học, ông còn thường xuyên tham gia cùng trai làng tập luyện võ nghệ, theo đòi việc binh, phòng khi hữu sự. Đến năm Ất Sửu (1865), lúc 27 tuổi, Mai Lượng tham dự kỳ thi Hương võ do triều đình tổ chức và đỗ Cử nhân võ, được triều đình Huế sung vào quân đội.⁴

Trở thành quan võ của triều đình, nhờ có võ nghệ cao cường, lại thêm tài thao lược, Mai Lượng được phong chức Hiệp quản, hàm chánh tứ phẩm,⁵ chỉ

³. Theo tư liệu dòng họ do ông Mai Duy Tường, xã Quảng Sơn, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình cung cấp.

⁴. Kỳ thi năm Ất Sửu (1865) có 79 người đỗ Cử nhân võ, được triều đình Huế bổ dụng (Quốc sử quán triều Nguyễn, Đại Nam thực lục, tập 7, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2007, tr.928).

⁵. Hiệp quản là chức quan võ theo biên chế của quân đội thời Nguyễn, hàm chánh tứ phẩm.



Mộ và bia mộ Lãnh binh Mai Lượng dưới chân Hòn Nậy (Ảnh 2004)
(Thuộc thôn Đông Hà, xã Quảng Sơn, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình)

huy một đơn vị quân đội trấn giữ ở phía Bắc đèo Ngang thuộc tỉnh Quảng Bình. Trong quân ngũ, ngoài việc chu toàn trọng trách nắm giữ đội quân dưới quyền. Khi ở Bắc đèo Ngang, Mai Lượng đã làm được nhiều việc giúp nhân dân trong vùng như ngăn cấm binh lính quấy phá ức hiếp nhân dân, đưa quân lính giúp dân khai khẩn

ruộng hoang, đào kênh dẫn nước tưới ruộng cho dân... Đức độ và lòng thương dân của Mai Lượng đã khiến nhân dân địa phương vô cùng cảm mến, kính trọng, xem ông là ân nhân lớn⁶. Về sau, triều đình Huế điều động Mai Lượng vào chỉ huy đội quân đóng ở lỵ sở Đồng Hới, cũng thuộc tỉnh Quảng Bình.

Trong khoảng thời gian 1883-1884, nhất là sau khi vua Hiệp Hòa ký hiệp ước Harmand (25/8/1883) với thực dân Pháp, nhiều quan lại yêu nước hết sức bất bình trước thái độ bạc nhược, đầu hàng của nhà vua, không chấp nhận mệnh lệnh triệu hồi về kinh, nên đã từ quan về quê nhà ở ẩn chờ thời. Riêng tại tỉnh Quảng Bình, số quan lại treo ấn về quê cũng khá đông như Đề đốc Lê Trực, Tri phủ Nguyễn Phạm Tuân, Hiệp quản Mai Lượng...

Nhưng đó chỉ là sự tạm thời của tình thế, vì ngay sau đó phái chủ chiến đã làm chủ được triều đình, lật đổ Hiệp Hòa và lần lượt đưa Kiến Phúc, Hàm Nghi



Khung cảnh làng và đình làng Thọ Linh hiện nay (2011)

⁶. Về sau, khi hay tin Mai Lượng đánh Pháp không thành và hy sinh, nhân dân vùng phía Bắc đèo Ngang đã lập miếu thờ ông, gọi là miếu Ông Lãnh Mai, đến nay vẫn còn dấu tích.

lên ngôi, đẩy mạnh công cuộc chuẩn bị chống Pháp, dẫn đến sự biến kinh thành Huế vào 23 tháng 5 năm Ất Dậu (5/7/1885), kinh đô thất thủ, vua Hàm Nghi xuất bôn xuống dụ Cần Vương cứu nước.

2. Hoạt động Cần Vương chống Pháp của Mai Lượm

Do nặng tình thân yêu nước, chống Pháp, nên khi nghe tin vua Hàm Nghi xuất bôn xuống dụ kêu gọi Cần Vương, Mai Lượm cũng như nhiều quan lại, sĩ phu khác ở Quảng Bình đã nhanh chóng đứng ra tập hợp lực lượng tổ chức việc khởi nghĩa.

Đến cuối tháng 10 năm 1885, khi đoàn hộ giá vua Hàm Nghi từ Hà Tĩnh rút vào miền núi phía Tây Quảng Bình để tránh sự truy đuổi của quân Pháp và tay sai, Mai Lượm đã lặn lội tìm đến yết kiến và được nhà vua phong chức Lãnh binh, hàm chánh tam phẩm,⁷ giao cho nhiệm vụ tổ chức chống Pháp và tham gia bảo vệ mạn Nam của Sơn triều (triều đình kháng chiến của Hàm Nghi đóng ở vùng rừng núi huyện Tuyên Hóa lúc ấy).⁸

Với chức Lãnh binh do vua Hàm Nghi ban phong, từ đó về sau nhân dân Quảng Bình bắt đầu quen gọi ông là Lãnh Mai thay vì Mai Lượm. Về Bình Tây sát tã⁹ từng ca ngợi:

“Sơn Triều binh tướng những ai
Thọ Linh có một Lãnh Mai kéo về”.

Địa bàn khởi nghĩa của Mai Lượm thuộc khu vực trung lưu phía hữu ngạn sông Gianh, đối xứng với vùng tả ngạn - nơi Đề đốc Lê Trực xây dựng căn cứ kháng chiến ở núi Chóp Chài thuộc làng Thanh Thủy, tổng Thuận Lệ, phủ Quảng Trạch.¹⁰ Trên địa bàn đứng chân, các căn cứ của nghĩa quân Lãnh binh Mai Lượm trải từ vùng rừng núi thượng nguồn sông Nan (Rào Nan)¹¹ đến vùng núi phía Tây huyện Bố Trạch, kéo dài từ Cao Mại¹² cho đến Troóc.¹³ Căn cứ của nghĩa quân Mai Lượm được về Bình Tây mô tả là:

⁷. Lãnh binh là chức quan võ theo biên chế của quân đội thời Nguyễn, hàm chánh tam phẩm.

⁸. Sơn triều là cách gọi của nhân dân địa phương để chỉ triều đình chống Pháp trên núi rừng Tuyên Hóa (nay phần lớn nằm trên địa bàn huyện Minh Hoá) của vua Hàm Nghi tại Quảng Bình giai đoạn 1885-1888.

⁹. Về Bình Tây sát tã, một bài về dân gian rất phổ biến tại Quảng Bình cuối thế kỷ XIX kể về các cuộc khởi nghĩa chống Pháp ở địa phương (Tài liệu đánh máy lưu tại Phòng Truyền thống tỉnh Quảng Bình).

¹⁰. Nay thuộc xã Tiên Hóa, huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình.

¹¹. Rào Nan là một chi lưu của sông Gianh ở tỉnh Quảng Bình.

¹². Cao Mại nay thuộc xã Cao Quảng, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình.

¹³. Troóc nay thuộc xã Phúc Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình. Nhân dân địa phương thường gọi căn cứ của Lãnh Mai ở Troóc là “Đồn ông Troóc”, đến nay vẫn còn lưu truyền.

“Trong thì đắp lũy xây thành
Ngoài thì đào hào thả chông”.

Từ Cao Mại đến Troóc tuy đều là một vùng núi rừng hiểm trở, nhưng từ đó lại có thể phối hợp với các cuộc khởi nghĩa ở những địa phương khác và uy hiếp được quân Pháp đóng ở hạ lưu sông Gianh. Nghĩa quân Mai Lượng tập hợp trên 1.000 người, được phiên chế theo tổ chức quân đội triều đình. Tại căn cứ Cao Mại, nơi xưa kia mệnh danh là “thung lũng cọp” do có nhiều chúa sơn lâm sinh sống, việc bố phòng được tổ chức chặt chẽ, có xưởng rèn đúc vũ khí, có khu luyện tập thao diễn quân sự, có khu sản xuất lương thực nhằm đảm bảo về mặt hậu cần cho cuộc khởi nghĩa. Vị trí đóng đồn của nghĩa quân Mai Lượng thường dựa vào các con khe hoặc sông nhỏ giữa Rào Nan và sông Gianh, như về Bình Tây sát tả cho biết:

“Ngả Hai, Khe Troóc, Khe Môn
Là nơi quan Lãn lập đồn quyên lương”.

Tại căn cứ chính ở Cao Mại, Mai Lượng có thể dễ dàng liên lạc với Sơn triều¹⁴ và án ngữ ở sườn phía Nam bảo vệ nơi ở của vua Hàm Nghi. Từ căn cứ này có các tuyến đường giao thông đi ra phía Bắc đến Cổ Liêm,¹⁵ qua vùng Gieo Bộp, qua ngã Cây Khế đến Ngọc Lâm, Minh Cầm (đều thuộc huyện Tuyên Hóa), hoặc tiến về phía Nam như ở Troóc, Khương Hà (thuộc huyện Bố Trạch) và xuống vùng đồng bằng hạ lưu sông Gianh ở huyện Quảng Trạch.

Chính nhờ sự thuận lợi về giao thông mà nghĩa quân Mai Lượng có thể hoạt động trên một địa bàn rộng khắp, khi cần có thể vận động xuống đánh địch ở đồng bằng, có thể bổ sung kịp thời những thiếu thốn về hậu cần cho nghĩa quân tại căn cứ.

Về trang bị vũ khí chiến đấu của nghĩa quân Mai Lượng, ngoài các loại súng thần công và gươm, đao, kiếm, mác; nghĩa quân còn có vũ khí tự tạo, tuy thô sơ nhưng cũng gây nhiều nỗi kinh hoàng cho quân giặc, đó là loại súng “tắc - giang”.¹⁶ Lối đánh phổ biến của nghĩa quân Mai Lượng chủ yếu là dùng chiến thuật du kích chiến, cộng với lòng dũng cảm và sự mưu trí sáng tạo của nghĩa quân. Đôi lúc Lãn binh Mai Lượng còn chia nghĩa quân thành từng toán nhỏ rời khỏi căn cứ Cao Mại đi đánh địch ở khu vực Troóc - Khương Hà, có khi về đến các vùng xa xôi ở tận hạ lưu sông Gianh để chủ động tấn công quân Pháp.

¹⁴. Do đến năm 1964, huyện Tuyên Hóa được tách đôi thành hai huyện Tuyên Hóa và Minh Hoá, nên địa bàn hoạt động chủ yếu của triều đình Hàm Nghi ngày xưa nay thuộc về huyện Minh Hóa.

¹⁵. Cổ Liêm nay thuộc xã Tân Hóa, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình.

¹⁶. “Tắc - giang” là một loại súng tay thô sơ do nghĩa quân chế tạo, tầm sát thương rất hạn chế.

Hoạt động của nghĩa quân Quảng Bình nói chung và nghĩa quân Mai Lượm nói riêng trên địa bàn rừng núi đã đẩy quân Pháp vào thế lúng túng bị động, quyền kiểm soát khu vực này lọt dần vào tay nghĩa quân. Chính thực dân Pháp cũng thừa nhận rằng: “Từ mùa xuân (của năm 1886), vùng thượng lưu giữa sông Nan và sông Gianh không đối phó được, các làng đặt dưới quyền kiểm soát của quân phiến loạn” (chỉ nghĩa quân).¹⁷

Trong quá trình khởi nghĩa, Mai Lượm chủ trương thường xuyên phối hợp với các thủ lĩnh nghĩa quân khác để việc chiến đấu có hiệu quả hơn, như phối hợp với Đề đốc Lê Trực, với thủ lĩnh Bạch Xi (tức Đoàn Đức Mậu, còn có tên khác là Đoàn Chí Tuân), với ông Tham La Hà,¹⁸ như về Bình Tây sát tả đã kể:

“Lãnh Mai cùng với ông Tham La Hà,
Hai ông hội nghị thật là giao ngôn
Kéo lên Khe Troóc, Khe Môn
Thứ hai Khe Sến đóng đồn quyên lương
Cắt dân hướng đạo đem đường
Vắt qua truông¹⁹ Chà Coọng, đổ về truông Chà Nòi”.

Hoạt động chống Pháp mạnh mẽ nhất của nghĩa quân Mai Lượm chủ yếu diễn ra từ đầu năm 1886 đến 1888, phân thành hai địa bàn rõ rệt.

Ở khu vực đồng bằng Quảng Bình, do phong trào “Bình Tây sát tả” đang phổ biến, quân Pháp lại thường trú đóng tại các làng có giáo dân Thiên chúa giáo, nên nhiều thủ lĩnh nghĩa quân chủ trương vừa đánh Pháp vừa tiêu diệt luôn cả lực lượng giáo dân để trả thù. Riêng Mai Lượm lại rất có ý thức bảo vệ tính mạng và tài sản của dân chúng, không kỳ thị tôn giáo, chủ trương đối xử nhân đạo với tù nhân khi chúng không còn cường bạo, nên nghĩa quân của ông đã không gây ra những vụ thảm sát giáo dân khi đánh nhau với Pháp. Do đó, Mai Lượm được nhân dân các vùng theo đạo Thiên chúa dần dần yêu mến, ủng hộ, giúp đỡ trong việc đánh Pháp và nghĩa quân Mai Lượm đã làm nên nhiều trận thắng vang dội ở các làng Diên Trường, Trung Thôn, Hòa Ninh, Lâm Xuân, Biểu Lệ...

Tại khu vực rừng núi, do lãnh nhiệm vụ ngăn chặn con đường dẫn đến căn

¹⁷. Charles Gosselin, *L'Empire d'Annam*, Perrin et Cie, Paris, 1904, p. 271.

¹⁸. La Hà là tên làng, nay thuộc xã Quảng Văn, huyện Quảng Trạch. Ông Tham La Hà là ông quan giữ chức Tham biện người làng La Hà, một thủ lĩnh nghĩa quân cùng thời với Mai Lượm, tên thật chưa xác định được.

¹⁹. “Truông” là cách gọi phổ biến ở nhiều tỉnh Bắc miền Trung, chỉ về gò đất, dải đất hoang vắng nằm đệm ở giữa các vùng dân cư.

cứ của triều đình vua Hàm Nghi từ mạn phía Nam huyện Tuyên Hóa, nên nghĩa quân Mai Lượm thường tổ chức các trận tập kích, phục kích, bắt cóc các liên lạc viên của giặc để bảo vệ sự an toàn cho vua Hàm Nghi. Đặc biệt vào tháng 6 năm 1886, đoàn quân tuần tiêu sông Gianh của Pháp do thiếu tá Grégoire chỉ huy đã bị nghĩa quân Mai Lượm phục kích chặn đánh trên Rào Nan, gây tổn thất nặng nề cho chúng.

Những hoạt động của nghĩa quân Mai Lượm đã thu hút sự chú ý của thực dân Pháp và khiến cục diện trên chiến trường Quảng Bình thay đổi có lợi cho triều đình kháng chiến Hàm Nghi. Trước tình thế đó, thực dân Pháp quyết tâm tăng cường lực lượng tiêu diệt những người khởi nghĩa để nhanh chóng bình định được vùng đất Quảng Bình, bắt sống vua Hàm Nghi nhằm dập tắt luôn phong trào Cần Vương trong cả nước. Do vậy, từ đầu năm 1887, các cánh quân Pháp do các sĩ quan Pháp là Bertrand và Trupel chỉ huy đã tổ chức nhiều cuộc hành quân càn quét vùng thượng lưu và trung lưu sông Gianh, liên tiếp tấn công căn cứ kháng chiến của các thủ lĩnh Nguyễn Phạm Tuân, Tôn Thất Đàm, Mai Lượm, Lê Trực...

Sau hơn ba tháng đầu năm liên tục bị nghĩa quân Quảng Bình bẻ gãy các cuộc tấn công, sáng ngày 9 tháng 4 năm 1887, quân Pháp đột kích bất ngờ vào căn cứ của Nguyễn Phạm Tuân ở Yên Lương (nay thuộc huyện Quảng Trạch), giết chết nhiều nghĩa quân và bắt sống một số thủ lĩnh. Trong trận đánh này, do quá bất ngờ vì bị một nghĩa quân phản bội dẫn đường cho Pháp, Nguyễn Phạm Tuân trúng đạn, bị thương và bị giặc bắt,²⁰ nhưng ông vẫn dũng cảm chịu đau mà chết để giữ tròn khí tiết. Cuộc khởi nghĩa do ông cầm đầu đi đến tan rã, khiến triều đình kháng chiến Hàm Nghi mất bớt một chỗ dựa quân sự quan trọng tại vùng núi Quảng Bình và nhà vua luôn phải đối diện với nguy cơ bị rơi vào tay giặc.

²⁰. Bourotte, "L' Aventure du Roi Ham Nghi", Bulletin des Amis du Vieux Hué (B.A.V.H), No.3, 1929, p. 151.

²¹. Tôn Thất Đàm là con trai trưởng của Tôn Thất Thuyết, theo cha phò vua Hàm Nghi cứu nước. Từ tháng 2/1886, khi Tôn Thất Thuyết lên đường ra Bắc rồi sang Trung Quốc cầu viện, Tôn Thất Đàm được giữ chức Khâm sai Chương lý Quân vụ đại thần, chịu trách nhiệm trực tiếp ban phát mệnh lệnh của vua Hàm Nghi cho các tướng sĩ khắp cả nước, đồng thời phụ trách việc điều động binh đội từ các tỉnh Hà Tĩnh - Quảng Bình trở vào các tỉnh trong Nam (Còn việc điều động các toán quân từ Nghệ An trở ra các tỉnh ngoài Bắc được Tôn Thất Thuyết giao phó cho Trần Xuân Soạn - Theo Nguyen The Anh, *Monarchie et fait colonial au Viet Nam 1875-1925*, Ed. L' Harmattan, Paris, 1992, pp. 128-129. Đến tháng 4/1886, nhận thấy cần phải xây dựng một cơ sở cố định để nắm bắt tình hình và điều hành cuộc kháng chiến, Tôn Thất Đàm đã đem một toán quân từ nơi ở của vua Hàm Nghi tại tổng Thanh Lạng đến xóm Côộc ở Vàng Liêu thiết lập một văn phòng. Chức năng của văn phòng do Tôn Thất Đàm phụ trách là thu nhận tin tức, tấu sớ của các thủ lĩnh Cần Vương khắp nơi gửi về rồi chuyển cho vua Hàm Nghi phê duyệt và nhận chỉ thị trực tiếp từ nhà vua để truyền đạt lại (Theo Bourotte, "L' Aventure du roi Ham Nghi", B.A.V.H, No3, 1929, p. 139).

Tiếp đến, vào rạng sáng ngày 17 tháng 4 năm 1887, quân Pháp tập trung lực lượng tiến đánh căn cứ Hạ Trang (Lệ Sơn), sau đó dồn binh lực càn quét vùng Troóc và tấn công căn cứ Cao Mại của Lãnh binh Mai Lượng. Nghĩa quân của Mai Lượng dựa vào địa thế hiểm trở của núi rừng tổ chức đánh trả quyết liệt, tiêu diệt được một bộ phận sinh lực địch; nhưng do địch quá đông và mạnh, không thể đương đầu nổi, nên Mai Lượng phải chia quân thành từng toán nhỏ rút lên hội quân với Khâm sai Chương lý Quân vụ đại thần Tôn Thất Đàm²¹ ở Vàng Liêu thuộc làng Cổ Liêm.²²

Trên đà thắng thế, quân Pháp tiếp tục mở nhiều cuộc tiến công vào các căn cứ của nghĩa quân Đề đốc Lê Trực ở khu vực tả ngạn trung lưu sông Gianh. Đêm 18 rạng ngày 19 tháng 6 năm 1887, một cánh quân do viên đại úy Trupel cầm đầu với sự dẫn đường của mật thám Pháp đã bí mật đột kích căn cứ Thanh Thủy của Lê Trực. Trận đánh trong đêm tối diễn ra hết sức bất ngờ nên nghĩa quân bị tổn thất nặng nề, vợ con của Lê Trực cùng nhiều thủ lĩnh nghĩa quân dưới quyền của ông bị bắt và bị giết. Từ đó, nghĩa quân Lê Trực yếu dần và không còn đủ sức chống trả các cuộc hành binh lớn của Pháp. Ở chốn núi rừng, vua Hàm Nghi cũng buộc phải thay đổi chỗ ở liên tục để tránh bị lọt vào tay giặc.

Cuối năm 1887, nhằm cứu vãn sự bẽ tắc của đại cuộc, Tôn Thất Đàm giao toàn bộ quyền chỉ huy quân đội tại Vàng Liêu cho Mai Lượng, còn ông thì ra vùng núi Hà Tĩnh gây dựng căn cứ kháng chiến và nắm phong trào Cần Vương ở đó. Mai Lượng bắt đầu củng cố lại lực lượng nghĩa quân của mình, rồi dựa vào sự hậu thuẫn của Tôn Thất Đàm để tiến công quân Pháp, chiếm lại được vùng căn cứ Cao Mại và Troóc. Cuộc chiến đấu giữa nghĩa quân Mai Lượng và thực dân Pháp hết sức gay go, quyết liệt; nhiều lúc nghĩa quân lâm vào tình thế khó khăn, phải gánh chịu những tổn thất nghiêm trọng, nhưng họ vẫn cương quyết không lùi bước, không để cho địch chiếm đóng lại vùng căn cứ của mình.

Đầu năm 1888, Mai Lượng tiếp tục ra sức xây dựng và phát triển lực lượng, khởi nghĩa ở các vùng thuộc tầm kiểm soát của nghĩa quân. Nhân dân quanh vùng dù bị địch khủng bố, đe dọa, nhưng vẫn ủng hộ, giúp đỡ và gia nhập cuộc khởi nghĩa. Thanh thế nghĩa quân ngày càng lớn mạnh trở lại, tầm ảnh hưởng vươn ra cả ngoài phạm vi địa bàn hoạt động, đủ sức đề đầu với các cuộc hành quân càn quét của Pháp.

Nhằm đối phó với nghĩa quân của Mai Lượng, từ tháng 2 năm 1888, quân Pháp điều viên thiếu tá Gladet từ Hà Tĩnh vào Quảng Bình, phối hợp với đại úy Callet tổ chức hệ thống đồn bốt mới hòng xiết chặt, bao vây chia cắt vùng căn

²². Làng Cổ Liêm (tục gọi là làng Trem) xưa thuộc tổng Kim Linh, huyện Tuyên Hóa, ngày nay thuộc xã Tân Hóa, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình.

cứ kháng chiến của nghĩa quân, đồng thời bổ sung thêm lực lượng đàn áp tại Quảng Bình. Từ đó trở đi, các cuộc khởi nghĩa ở Quảng Bình dần dần bị cô lập và dẫn đến thất bại.

Đến cuối năm 1888, lúc này nghĩa quân của thủ lĩnh Nguyễn Phạm Tuân do mất người cầm đầu nên đã ly tán hoàn toàn. Lực lượng của Đề đốc Lê Trực cũng tan tác và phải thường xuyên tránh né các cuộc truy kích của địch. Tôn Thất Đàm thì bị hệ thống đồn bốt dày đặc của Pháp chia cắt và mất liên lạc với triều đình kháng chiến. Do vậy, vua Hàm Nghi cùng nhóm tùy tùng ít ỏi còn lại bị săn đuổi liên tục từ nơi này sang nơi khác, cuối cùng bị rơi vào tay Pháp đêm ngày 1 tháng 11 năm 1888.

Sau khi vua Hàm Nghi bị bắt, phong trào Cần Vương chống Pháp tại Quảng Bình gần như tan rã: Tôn Thất Đàm tự tử, Lê Trực giải tán nghĩa quân ra đầu thú²³ với Pháp, ông Tú Di Luân (tức thủ lĩnh Trần Văn Định) thôi chống giặc lui về làm ruộng chờ thời...

Trước khó khăn của phong trào chống Pháp ở Quảng Bình, Mai Lượng vẫn cùng nghĩa quân tiếp tục chiến đấu, không hề thoái chí bi quan. Để thoát khỏi nguy cơ bị cô lập, Mai Lượng tìm cách cho người ra Hà Tĩnh liên lạc với nghĩa quân của Phan Đình Phùng bàn cách phối hợp hoạt động và cùng với nghĩa quân duy trì cuộc chiến đấu thêm một thời gian khá dài, gây cho địch nhiều thiệt hại.

Tuy nhiên, sự gian khổ và điều kiện sinh hoạt thiếu thốn mọi bề cuối cùng cũng đã làm hao mòn thể lực của vị thủ lĩnh kiên cường Mai Lượng. Ngày 12 tháng 5 năm 1890 (24/3 Canh Dần), Mai Lượng không thắng nổi cơn bệnh sốt rét rừng nên đã qua đời tại căn cứ Cao Mại. Nghĩa quân dưới quyền của ông chỉ duy trì tổ chức thêm được một thời gian ngắn nữa rồi cũng tạm ngưng cuộc chiến đấu.

Cuộc khởi nghĩa của Mai Lượng chấm dứt cũng đồng nghĩa với sự kết thúc phong trào Cần Vương ở tỉnh Quảng Bình. Khí phách của Mai Lượng thể hiện tinh thần quật khởi, bất khuất của dân tộc. Chính sự kiên cường của Mai Lượng đã khiến kẻ thù hết sức căm tức ông, cho binh lính tìm cách cướp thi thể của ông để trả thù.²⁴

Do không tìm thấy được thi thể Mai Lượng, địch tìm bắt vợ con ông ở tại

²³. Quốc sử quán triều Nguyễn, Đại Nam thực lục, tập 38, bản dịch Viện Sử học, Nxb Sử học, 1976.

²⁴. Lăng mộ Mai Lượng nằm dưới chân Hòn Nậy (tức núi Nậy), phía nam Rào Nan (tức sông Nan, một chi lưu của sông Gianh ở Quảng Bình), nay thuộc phần đất thôn Đông Hà, xã Quảng Sơn, huyện Quảng Trạch. Còn nhà bia tưởng niệm Mai Lượng thì nằm trong phần đất chi tộc Mai thuộc chòm Minh Sơn, thôn Thọ Linh, xã Quảng Sơn, huyện Quảng Trạch. Ban Quản lý Di tích - Danh thắng thuộc Sở Văn hóa Thông tin Quảng Bình đã tiến hành làm lý lịch di tích này, và đến 24/1/1998, Bộ Văn hoá Thông tin chính thức công nhận khu Lăng mộ và Nhà bia tưởng niệm danh tướng Cần Vương Mai Lượng là Di tích Lịch sử Quốc gia.

quê nhà. Con trai duy nhất của ông là Mai Đóa bị bắt giam ở đồn Minh Cầm, còn vợ ông thì bị giam ở Troóc. Sau một thời gian mua chuộc, dụ dỗ, tra tấn dã man nhưng không thành, chúng trả vợ con của Mai Lượng về quê quán và quản thúc họ tại chỗ.

Công cuộc Cần Vương của Lãnh binh Mai Lượng tuy thất bại, nhưng khởi nghĩa của ông đã góp phần không nhỏ trong phong trào Cần Vương ở Quảng Bình nói riêng, phong trào chống Pháp để giành lại độc lập của dân tộc Việt Nam cuối thế kỷ XIX nói chung.

Tên tuổi của Lãnh binh Mai Lượng xứng đáng được nhân dân Quảng Bình ngợi ca, được nhân dân cả nước ngưỡng mộ và tôn thờ như những vị anh hùng có công lớn trong sự nghiệp cứu nước của dân tộc. Và dĩ nhiên, Lãnh binh Mai Lượng không chỉ được công nhận là danh nhân trên đất Quảng Bình, mà còn cần phải được công nhận là một danh nhân đất Việt.

Tài liệu tham khảo:

1. Nguyen The Anh, *Monarchie et fait colonial au Viet Nam 1875-1925*, Ed. L' Harmattan, Paris, 1992.

2. Ban Quản lý Di tích - Danh thắng, Sở Văn hóa Thông tin Quảng Bình, *Lý lịch di tích Lăng mộ và Nhà bia tưởng niệm danh tướng Cần Vương Mai Lượng*, Đồng Hới, 1997 (bản đánh máy).

3. B. Bourotte, "*L' Aventure du Roi Ham Nghi*", Bulletin des Amis du Vieux Hué (B.A.V.H), No. 3, 1929.

4. Marcel Gaultier, *L' étrange aventure de Hàm Nghi: empereur d' Annam*, La Nef de Paris, 1959.

5. Charles Gosselin, *L' Empire d' Annam*, Perrin et Cie, Paris, 1904.

6. Nguyễn Quang Trung Tiến, "*Chí lớn nghĩa trọng của Tôn Thất Đàm*", Tạp chí Huế xưa và nay, số 15, 1996, tr.42-49.

7. Nguyễn Quang Trung Tiến, *Vua Hàm Nghi với phong trào Cần Vương ở Bình Trị Thiên (1885-1888)*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, Đại học Khoa học Huế, 2000.

8. Nguyễn Quang Trung Tiến, "*Về cuộc khởi nghĩa của Mai Lượng trong phong trào Cần Vương ở Quảng Bình (1885-1888)*", Tập san Thông tin Khoa học, Số 12, Đại học Khoa học Huế, 2001, tr.58-62.

9. Nguyễn Quang Trung Tiến, *Tìm hiểu hệ thống di tích các cuộc khởi nghĩa chống Pháp ở khu vực Bình Trị Thiên cuối thế kỷ XIX*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở, Đại học Khoa học Huế, năm 2005.

10. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 7, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2007.

11. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 10, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2007.

12. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 38, bản dịch Viện Sử học, Nxb Sử học, 1976.

13. Đặng Huy Vận, "*Về cuộc kháng chiến kiên cường và anh dũng của nhân dân Quảng Bình cuối thế kỷ XIX*", Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 106 năm 1968.

14. *Về Bình Tây sát tả*, Tài liệu đánh máy lưu tại Phòng Truyền thống tỉnh Quảng Bình.